

Số: 4027/SNN&PTNT-TL

Thanh Hoá, ngày 15 tháng 10 năm 2019

V/v báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2016-2020.

Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Thanh Hóa.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được Công văn số 2646/SLĐT BXH-BTXH ngày 14/10/2019 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2016-2020. Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát, phân tích bổ sung thông tin về kết quả đạt được của các chỉ tiêu nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh thuộc Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2016-2020 cụ thể như sau:

### **1. Kết quả đạt được năm 2019.**

Trong những năm qua, bằng các nguồn vốn ODA, vốn doanh nghiệp đầu tư và nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đã đầu tư được một số công trình cấp nước tập trung; đồng thời thông qua Chương trình tín dụng ưu đãi của Ngân sách chính sách xã hội về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đã hỗ trợ xây mới và nâng cấp các công trình cấp nước và vệ sinh hộ gia đình, trong đó có các hộ nghèo trên địa bàn toàn tỉnh góp phần không nhỏ trong việc giảm thiểu bệnh tật liên quan đến vệ sinh môi trường, nâng cao sức khỏe, cải thiện chất lượng cuộc sống và phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn. Ước đạt đến cuối năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo được sử dụng nước hợp vệ sinh là 87,4%; tỷ lệ hộ nghèo được sử dụng hố xí, nhà tiêu hợp vệ sinh là 77,1%.

*(Có phụ lục Bảng tổng hợp chỉ tiêu nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh gửi kèm)*

### **2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.**

#### **2.1. Tồn tại, hạn chế.**

- Chỉ tiêu tỷ lệ hộ nghèo được sử dụng nước hợp vệ sinh đến hết năm 2019 ước đạt 07 huyện, thị xã, thành phố có khả năng vượt kế hoạch gồm: Thành phố Thanh Hóa, Thị xã Bỉm Sơn, thành phố Sầm Sơn và các huyện: Đông Sơn, Hà Trung, Quảng Xương, Hậu Lộc); hiện còn 20 huyện chưa đạt mục tiêu kế hoạch.

- Chỉ tiêu tỷ lệ hộ nghèo được sử dụng hố xí, nhà tiêu hợp vệ sinh đến hết năm 2019 ước đạt 04 huyện, thị xã, thành phố có khả năng vượt kế hoạch gồm: Thành phố Thanh Hóa, Thị xã Bỉm Sơn, thành phố Sầm Sơn và huyện Đông Sơn; hiện còn 23 huyện chưa đạt mục tiêu kế hoạch.

#### **2.2. Nguyên nhân.**

a) Về nước hợp vệ sinh.

- Nguồn vốn đầu tư từ Chương trình MTQG giảm nghèo nhanh bền vững, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đầu tư cho công trình cấp nước sạch còn hạn chế, chủ yếu là từ các nguồn vốn tài trợ, vốn ODA. Năm 2019, Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông Hồng vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB) kết thúc. Thu hút doanh nghiệp đầu tư công trình nước sạch còn chậm, đặc biệt khu vực miền núi chưa thu hút được đầu tư, chủ yếu phụ thuộc vào nguồn hỗ trợ của Ngân sách và nguồn tự có để đầu tư.

- Tình hình thời tiết bất thường do biến đổi khí hậu toàn cầu trong những năm gần đây ngày càng phức tạp, gây ra sạt lở đất, lũ ống, lũ quét tại các vùng miền núi khó khăn ngày càng nhiều làm ảnh hưởng rất lớn đến công trình cấp nước của hộ nghèo khu vực miền núi.

- Ý thức của người dân nông thôn về vai trò của nước hợp vệ sinh còn chưa cao.

b) Về hố xí, nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông Hồng vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB) trong đó có hỗ trợ triển khai hố xí, nhà tiêu hợp vệ sinh đã kết thúc. Việc triển khai đầu tư hố xí, nhà tiêu hợp vệ sinh chủ yếu phụ thuộc vào nguồn tự có và nguồn chương trình tín dụng ưu đãi của Ngân sách chính sách xã hội để đầu tư.

- Ý thức của người dân nông thôn về vai trò hố xí, nhà tiêu hợp vệ sinh đối với sức khỏe và đời sống còn chưa cao.

- Từ năm 2019, theo Quyết định 4826/QĐ-BNN-TCTL của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn và các tài liệu hướng dẫn triển khai, chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn không theo dõi đánh giá về chỉ số nhà tiêu hợp vệ sinh vì vậy kinh phí trong công tác tập huấn truyền thông và đánh giá chỉ tiêu về vệ sinh môi trường không còn, gây khó khăn cho công tác của triển khai vận động tuyên truyền của địa phương và sự phối hợp của Sở Nông nghiệp và PTNT với các địa phương.

### **3. Giải pháp.**

Để hoàn thành các chỉ tiêu về nước sạch và vệ sinh môi trường cần sự chung tay của toàn tỉnh. Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất UBND tỉnh một số giải pháp sau:

a) Về nước hợp vệ sinh.

- Giao chỉ tiêu cụ thể cho UBND các huyện, thị, thành phố như sau

+ Đối với huyện, thị, thành phố đã đạt 100% chỉ tiêu tỷ lệ hộ nghèo được sử dụng nước hợp vệ sinh trong năm 2019 thì năm 2020 phải duy trì chỉ tiêu;

+ Đối với huyện, thị, thành phố đạt  $\geq 90\%$  chỉ tiêu tỷ lệ hộ nghèo được sử dụng nước hợp vệ sinh trong năm 2019 thì năm 2020 phải phấn đấu đạt cao hơn;

+ Đối với huyện, thị, thành phố đạt  $< 90\%$  chỉ tiêu tỷ lệ hộ nghèo được sử dụng nước hợp vệ sinh trong năm 2019 thì năm 2020 phải hoàn thành chỉ tiêu từ 90% trở lên;

- Yêu cầu UBND các huyện, thị, thành phố phải xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể để triển khai hoàn thành kế hoạch năm 2020 đề ra như: Công tác tuyên truyền vận động nâng cao nhận thức của người dân; động viên người dân chủ động vay vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư công trình; đề xuất đầu tư công trình cấp nước tập trung cho các xã nghèo, các xã khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

- Tiếp tục quan tâm ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư công trình cho các địa phương có tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước hợp vệ sinh đạt thấp, đặc biệt là các vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, vùng bị thiệt hại nặng nề do mưa lũ từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình MTQG giảm nghèo nhanh bền vững

b) Về hố xí, nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Giao chỉ tiêu cụ thể cho UBND các huyện, thị, thành phố như sau:

+ Đối với huyện, thị, thành phố đã đạt 100% chỉ tiêu tỷ lệ hộ nghèo được sử dụng hố xí, nhà tiêu hợp vệ sinh trong năm 2019 thì năm 2020 phải duy trì chỉ tiêu;

+ Đối với huyện, thị, thành phố đạt  $\geq 95\%$  chỉ tiêu tỷ lệ hộ nghèo được sử dụng hố xí, nhà tiêu hợp vệ sinh trong năm 2019 thì năm 2020 phải phấn đấu đạt cao hơn;

+ Đối với huyện, thị, thành phố đạt  $< 95\%$  chỉ tiêu tỷ lệ hộ nghèo được sử dụng hố xí, nhà tiêu hợp vệ sinh trong năm 2019 thì năm 2020 phải hoàn thành chỉ tiêu từ 95% trở lên;

- Yêu cầu UBND các huyện cần xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể để triển khai hoàn thành kế hoạch đặt biệt là chỉ tiêu hố xí, nhà tiêu hợp vệ sinh như: Công tác tuyên truyền vận động nâng cao nhận thức của người dân; động viên người dân chủ động vay vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư công trình; giao trung tâm y tế huyện theo dõi tình hình triển khai đầu tư công trình theo từng tháng để có giải pháp kịp thời và đề xuất lên cấp trên hỗ trợ nếu vượt quá thẩm quyền.

- Tiếp tục quan tâm ưu tiên bố trí hỗ trợ đầu tư công trình hố xí, nhà tiêu hợp vệ sinh cho các hộ nghèo, đặc biệt là khu vực bãi ngang ven biển và vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, vùng bị thiệt hại nặng nề do mưa lũ từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình MTQG giảm nghèo nhanh bền vững

Đề nghị Sở Lao động – Thương binh và Xã hội xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Lưu: VT, CCTL, Nhg(2).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hoàng Thị Yến**



**Phụ lục Bảng tổng hợp chỉ tiêu nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh**

(Kèm theo Công văn số 4027/SNN&PTNT-TL ngày 15/10/2019 của Sở NN và PTNT)

TT	Đơn vị	Ước đạt năm 2019			
		Hố xí, nhà tiêu HVS		Nước HVS	
		Hộ nghèo được hỗ trợ và đã có	Tỷ lệ trên tổng số hộ nghèo	Hộ nghèo được hỗ trợ và đã có	Tỷ lệ trên tổng số hộ nghèo
<b>Toàn tỉnh</b>		<b>44.327</b>	<b>77,1</b>	<b>50.224</b>	<b>87,4</b>
<b>I, Khu vực TP, TX</b>		<b>2.742</b>	<b>100</b>	<b>2.742</b>	<b>100</b>
1	TP. Thanh Hóa	1.232	100	1.232	100
2	TX Bim Sơn	233	100	233	100
3	TP Sầm Sơn	1.277	100	1.277	100
<b>II. Khu vực đồng bằng, ven biển</b>		<b>20.410</b>	<b>78,6</b>	<b>23.005</b>	<b>88,6</b>
<b>II.1 Khu vực đồng bằng</b>		<b>11.613</b>	<b>81,9</b>	<b>12.761</b>	<b>90,0</b>
4	Vĩnh Lộc	1.032	82,3	1.109	88,4
5	Nông Cống	1.673	87,3	1.720	89,8
6	Thiệu Hóa	1.581	79,2	1.729	86,6
7	Triệu Sơn	2.834	78,6	3.175	88,1
8	Yên Định	1.481	80,2	1.653	89,5
9	Thọ Xuân	1.243	86,0	1.293	89,5
10	Hà Trung	1.211	78,8	1.499	97,5
11	Đông Sơn	558	95,7	583	100,0
<b>II.2 Khu vực ven biển</b>		<b>8.797</b>	<b>74,6</b>	<b>10.245</b>	<b>86,9</b>
12	Tĩnh Gia	3.361	73,5	3.796	83,0
13	Quảng Xương	1.295	75,1	1.725	100,0
14	Hoằng Hóa	1.550	68,4	1.797	79,3
15	Hậu Lộc	1.431	77,9	1.715	93,3
16	Nga Sơn	1.160	83,5	1.212	87,3
<b>III. Khu vực miền núi</b>		<b>21.175</b>	<b>73,6</b>	<b>24.477</b>	<b>85,1</b>
<b>III.1 Huyện miền núi thấp</b>		<b>7.584</b>	<b>73,7</b>	<b>8.774</b>	<b>85,3</b>
17	Như Thanh	2.147	77,5	2.302	83,1
18	Thạch Thành	1.910	69,1	2.371	85,8
19	Cẩm Thủy	1.196	68,5	1.546	88,6
20	Ngọc Lặc	2.332	77,5	2.555	84,9
<b>III.2 Huyện 30a</b>		<b>13.590</b>	<b>73,5</b>	<b>15.703</b>	<b>85,0</b>
21	Như Xuân	1.759	70,4	2.041	81,7
22	Thường Xuân	2.144	67,9	2.731	86,5
23	Lang Chánh	1.254	66,2	1.698	89,6
24	Bá Thước	2.783	78,9	2.948	83,5
25	Quan Hóa	1.172	68,1	1.547	89,9
26	Quan Sơn	1.460	90,9	1.188	74,0
27	Mường Lát	3.018	74,1	3.550	87,2